TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 175/2019/DS-PT
Ngày: 28 - 6 - 2019
V/v Tranh chấp Quyền sử dụng đất

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn A Đam
Các Thẩm phán: Ông Hồ Minh Tấn
Ông Huỳnh Văn Yên

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Tăng Thị Nhớ là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 23/2019/TLPT-DS ngày 09 tháng 01 năm 2019 về việc: *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 197/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố CM bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 117/2019/QĐPT-DS ngày 10 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Thái Thị V, sinh năm 1969 (có mặt)

Nơi cư trú: Số 137, Quốc lộ 63, khóm 3, phường TX, thành phố CM, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà V: Luật sư Nguyễn Văn N - Văn phòng Lật sư Ánh Sáng thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Ông Tuyết Văn L, sinh năm 1947 (vắng mặt)
Bà Thái Minh X, sinh năm 1949 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: Số 136, Quốc lộ 63, khóm 3, phường TX, thành phố CM, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Tuyết Thị Thu H, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Nhà không số, Quốc lộ 63, khóm 3, phường TX, thành phố CM, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền ông L, bà X, chị H: Ông Thái Huyền Tr, sinh năm 1952. Địa chỉ: Số 338/5A Quang Tr, khóm 4, phường 5, thành phố CM, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau.

Địa chỉ: Số 03, Hùng Vương, khóm 3, phường 7, Tp.Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Ngân hàng: Ông Huỳnh Thanh T, sinh năm 1985, là Giám đốc quan hệ khách hàng cá nhân (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 63/18, Phan Bội Ch, khóm 3, phường 7, thành phố CM, tỉnh Cà Mau.

Do có kháng cáo của: Bà Thái Thị V, bà Thái Minh X, ông Tuyết Văn L, chị Tuyết Thị Thu H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Nguyên đơn là bà Thái Thị V trình bày:* Nguồn gốc phần đất của bà là của bà Trần Thị H, sang nhượng lại cho ông Thái Văn C (Hùng - anh ruột bà) khoảng năm 1986-1987. Đến khoảng năm 1988 ông Hùng sang lại cho bà quản lý, sử dụng đến nay. Phần đất này trước đây khi bà H sang lại cho ông C thì bà H và ông C chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chỉ có tên bà H đăng ký trong sổ đăng ký kê khai ruộng đất. Năm 1999 bà liên hệ Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố CM để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được UBND thành phố CM cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 14.480m^2. Sau khi sang đất, bà không trực tiếp ở nhưng có cất nhà trên phần đất cho mẹ ruột bà ở để trông giữ đất. Đến năm 2000, bà quay về trực tiếp quản lý, sử dụng và đến năm 2016 thì phát sinh tranh chấp với ông L và bà X. Đầu năm 2016, bà thuê người tiến hành bơm đất vào con mương cặp bên phần đất của ông L, bà X để làm đường đi cho các hộ ở phía sau mà bà đã sang nhượng đất cho họ. Trong quá trình bơm đất, phía ông L, bà X không ngăn cản. Tuy nhiên, sau khi bơm xong khoảng vài tháng thì ông L đào phần đất bơm này đưa về phần đất của ông L nên xảy ra tranh chấp. Ông L và bà X cho rằng phần đất đó là của ông L, bà X nên tự ý lấn chiếm sang phần đất của bà nhiều đoạn, cụ thể: Từ Quốc lộ 63 vào 100m, lấn chiều ngang 2m; tiếp giáp 100m đầu đến 100m giữa, lấn chiều ngang 2,5m; tiếp giáp 100m giữa đến 100m cuối, lấn chiều ngang 1m, tổng diện tích bị lấn chiếm là 550m^2. Đồng thời, trên phần đất tranh chấp này, bà X và ông L cất 01 căn nhà cho con là Tuyết Thị Thu H ở, lấn chiếm qua phần đất của bà ngang 1,6m, dài 15,10m.

Từ nội dung trên , bà yêu cầu ông L và bà X phải trả lại phần đất đã lấn chiếm là 550m^2 và bồi thường cho bà số tiền bơm đất là 25.200.000đ, do ông L đào phần đất của bà khoảng 420m^3, giá mỗi khối là 60.000đ; yêu cầu chị Quyên tháo dở phần nhà đã lấn chiếm để trả lại phần đất cho bà ngang 1,6m x dài 15,10m.

Tại phiên toà, bà V rút lại yêu cầu ông L và bà X bồi thường khoản tiền bơm đất 25.200.000đ; bà yêu cầu ông L và bà X phải trả lại phần đất đã lấn chiếm theo sơ đồ đo đạc thực tế; yêu cầu chị H tháo dở, di dời phần nhà đã lấn chiếm để trả lại phần đất cho bà theo hiện trạng thực tế.

* *Bị đơn là bà Thái Minh X và ông Tuyết Văn L trình bày:* Nguồn gốc phần đất của vợ, chồng bà ở từ năm 1977 đến nay. Năm 1998, bà được UBND thị xã Cà Mau cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với tổng diện tích 14.720m^2. Phía trước đất là lộ xe; phía sau hậu là đất ông Trần Văn Đô, năm 2002 Nhà nước thu hồi một phần làm nghĩa trang nên nay phần hậu đất giáp nghĩa trang nhân dân; phía Nam là phần đất tranh chấp với bà V; phía Bắc giáp đất ông Lâm. Phần đất phía Nam là con mương do vợ chồng ông, bà tự đào trước đây để lấy đất dưới mương đắp thành cái bờ cặp con mương, cái bờ nằm phía trong, con mương nằm phía ngoài làm ranh giới, trên bờ có trồng chuối và H màu, con mương ngang 1,5m, có chiều dài từ mặt tiền tới hậu. Khi bà V bơm đất, ông, bà có ý kiến với người bơm đất tên Đương thì anh Đương có nói cứ cho bơm nhờ lên để bơm xong bà V sẽ di dời đi, còn phần đất dư sẽ cho ông, bà sử dụng, vì vậy ông, bà mới đồng ý cho bơm. Khi bơm đất xong, phía bà V mới đào phần đất để đắp con lộ của bà V, phần đất còn lại tràn qua mương của ông, bà thì như lời của anh Đương ông, bà mới đào lên vừa lấy đất, vừa có con mương để thoát nước.

Ông, bà xác định hoàn toàn không lấn chiếm đất của bà V và cũng không đào lấy đất của bà V nên ông, bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà V.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Tuyết Thị Thu H trình bày:* Căn nhà chị đang ở hiện nay là do cha, mẹ của chị là ông L và bà X cất cho chị ở từ năm 1999 đến nay. Việc tranh chấp giữa bà V với cha, mẹ chị thì chị hoàn toàn không biết, không liên quan gì đến chị nên chị không đồng ý di dời. Trường hợp Tòa án buộc chị phải di dời thì chị yêu cầu bà V phải bồi thường, hỗ trợ chi phí cho chị di dời theo quy định. Do bận công việc gia đình nên chị xin vắng mặt trong quá trình hòa giải và xét xử vụ án.

* *Đại diện Ngân hàng Á Châu trình bày:* Năm 2016, bà Thái Thị V đã thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất của bà để vay số tiền 1,2 tỷ đồng. Quá trình vay, bà V vẫn thực hiện việc thanh toán nợ lãi đầy đủ cho Ngân hàng. Trường hợp Toà án xác định một phần ranh giới đất tranh chấp không thuộc quyền sử dụng của bà V thì có ảnh hưởng một phần giá trị tài sản thế chấp nhưng tổng giá trị tài sản vẫn

đảm bảo thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ. Do đó, Ngân hàng vẫn chấp nhận cho bà V tiếp tục thực hiện hợp đồng, không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại bản án sơ thẩm số 197/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố CM quyết định:

Căn cứ các Điều 52, 95, 100, 202, 203 Luật đất đai; Điều 147; Điều 157; Điều 158; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, khoản 2 Điều 244; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị V – buộc ông Tuyết Văn L và bà Thái Minh X phải giao trả lại cho bà V phần đất chiều ngang mặt tiền 0,695m, chiều ngang mặt hậu 0,47m chạy dài 275,51m, tổng diện tích 160,49m^2 theo sơ đồ bản vẽ ngày 30/8/2016 của Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường; buộc chị Tuyết Thị Thu H phải tháo dở, di dời toàn bộ phần nhà đã cất lấn sang phần đất của bà V trả lại phần đất cho bà V đã được xác định theo vị trí giữa bà V với ông L và bà X.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V đòi ông L và bà X trả phần đất diện tích 160,49m^2.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Thái Thị V về việc yêu cầu ông Tuyết Văn L và bà Thái Minh X phải bồi thường khoản tiền bơm đất là 25.200.000đ. Nếu sau này bà Thái Thị V khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Bà Thái Thị V không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

4. Buộc ông L và bà X phải hoàn trả cho bà V 6.450.000đ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 11/12/2018, các bị đơn là ông Tuyết Văn L, bà Thái Minh X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Tuyết Thị Thu H có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị V.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Thái Huyền Tr là người đại diện theo ủy quyền của ông L, bà X, chị H cho rằng: Ông L, bà X được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1998 với diện tích 14.720m^2 hợp pháp. Năm 2002 UBND thành phố CM thu hồi 3.315m^2 đất để làm nghĩa trang, phần đất còn lại là 11.405m^2, năm 2012 bán cho ông Nguyễn Huy Liệu phần đất diện tích 7.322m^2, diện tích còn lại 4.083m^2, qua đo đạt thực tế phần đất ông, bà còn thiếu 76,30m^2 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông bà không có lấn đất bà V nên không đồng ý trả đất như yêu cầu của bà V; Ông L, bà X được cha, mẹ cho đất canh tác từ năm 1977, có đào con mương trên phần đất giáp ranh bà V hiện tại để đắp bờ trồng cây, khi bà V

mua đất lại từ ông C khoảng năm 1988 đã có con mương giáp rang, có xác nhận của những người sống lâu năm lân cận như ông Trần Hồng A, Kim Văn Tr, Nguyễn Thành T.

Ngày 13/12/2019, bà Thái Thị V có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố CM, theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà V. Buộc ông L, bà X trả lại cho bà V phần đất mà ông bà đã lấn chiếm là 550m^2 và yêu cầu ông L, bà X và chị H tháo dỡ, di dời căn nhà trả lại phần đất lấn chiếm cho bà V với chiều ngang 1,6m, chiều dài 15,10m.

Tại phiên tòa nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Năm 1999 bà được UBND thành phố CM cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 14.840m^2 là hợp pháp, đến năm 2009 UBND thành phố CM thu hồi 3.289,5m^2 làm nghĩa trang, diện tích còn lại 11.550,5m^2 khi đo đạt thực tế còn 11.069,7m^2 là thiếu 480,80m^2 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; chiều ngang mặt tiền phần đất của bà khi mua lại của anh ruột bà là ông Thái Văn C là 38,5m, chiều ngang mặt hậu là 39m, được ông C xác nhận trong biên bản lấy lời khai ngày 31/10/2016 của Tòa án nhân dân thành phố CM. Ngoài ra, việc cấp đất cho ông Tuyết Văn L và bà Thái Minh X không rõ ràng, cụ thể: Theo quyết định 135/QĐ.UB ngày 23/01/1998 của UBND thị xã Cà Mau cấp cho hộ bà Thái Minh X diện tích đất 14.720m^2 tại tờ bản đồ số 07, thửa 471, 472, 473, 474 nhưng tại Quyết định số 1793/QĐ.UB ngày 19/11/1998 của UBND thị xã Cà Mau cấp cho hộ bà Thái Minh X diện tích đất 11.326m^2 tại tờ bản đồ 07 thuộc xã An Xuyên, thửa đất số 550, 551. Việc bà X có hai quyết định, nhưng chỉ được cấp một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 11.720m^2 là không rõ ràng; ông L, bà X cất nhà cho con là chị H vào năm 1999, nhưng không có xin phép chính quyền địa phương, chị H có giấy được ông L, bà X cho đất vào năm 1999 nhưng không có xác nhận của cấp có thẩm quyền nên không có căn cứ cho rằng nhà chị H cất vào năm 1999.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Thái Thị V và đại diện theo theo ủy quyền của các bị đơn ông L, bà X, chị H thống nhất xác định, diện tích đất tranh chấp là 220,1m^2 theo sơ đồ đo đạt ngày 30/8/2018 của Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường; Đối với diện tích tranh chấp theo bản án sơ thẩm xác định là 320,97m^2 là không phù hợp với kết quả đo đạt. Nguyên đơn Thái Thị V rút lại một phần kháng cáo là chỉ yêu cầu buộc ông L, bà X, chị H trả lại cho bà phần đất lấn chiếm là 220,1m^2, không phải diện tích như trong đơn kháng cáo là 550m^2, yêu cầu ông L, bà X và chị H tháo dỡ, di dời căn nhà trả lại phần đất lấn chiếm cho bà V với chiều ngang 1,6m, chiều dài 15,10m.

Ngày 24/12/2018, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố CM có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐKNPT-VKS-DS với nội dung sửa bán sán sơ thẩm

theo hướng không buộc ông Tuyết Văn L và bà Thái Minh X chịu án phí. Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau giữ nguyên quyết định kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông L, bà X, bà V và chị H, điều chỉnh lại diện tích đất tranh chấp là 220,1m^2 theo sơ đồ đo đạc ngày 30/8/2016 của Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường do bản án sơ thẩm tính lại và xác định diện tích đất tranh chấp là 320,97m^2 là không chính xác; Đề nghị chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố CM không buộc ông L bà X chịu án phí sơ thẩm do là người cao tuổi, cố đơn xin miễn án phí, sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét kháng cáo của nguyên đơn Thái Thị V yêu cầu các bị đơn là ông L, bà X trả lại cho bà V phần đất mà ông bà đã lấn chiếm là 220,1m^2 và yêu cầu ông L, bà X và gười có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Thái Thị Thu H tháo dỡ, di dời căn nhà trả lại phần đất lấn chiếm cho bà V với chiều ngang 1,6m, chiều dài 15,10m. Tại phiên tòa nguyên đơn rút lại một phần kháng cáo, chỉ yêu cầu trả lại phần đất tranh chấp có diện tích là 220,1m^2 theo sơ đồ đo đạc ngày 30/8/2016 của Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường, thấy rằng: Việc rút một phần kháng cáo của nguyên đơn không vượt phạm vi kháng cáo ban đầu, người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn ông L, bà X và chị H cũng xác định phần đất tranh chấp là 220,1m^2 như theo sơ đồ đo đạc thực tế ngày 30/8/2016 là đúng số liệu thực tế. Hội đồng xét xử xét thấy, theo sơ đồ đo đạc ngày 30/8/2016 của Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường thể hiện diện tích đất tranh chấp là 220,1m^2, án sơ thẩm tính lại và điều chỉnh diện tích đất tranh chấp là 320,97m^2 nhưng không có xác nhận của cơ quan cH môn, không có điều chỉnh trên sơ đồ đo đạt thực tế nên không chính xác, khó thi hành án khi bản án có hiệu lực pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử điều chỉnh lại diện tích đất tranh chấp là 220,1m^2 cho đúng với diện tích đo đạc thực tế, phù hợp với yêu cầu các đương sự.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy, kháng cáo của nguyên đơn Thái Thị V là không có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ: Tại phiên tòa bà V thừa nhận không xác định được ranh giới tiếp giáp giữa đất của bà với đất của ông L, bà X, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà vào năm 1999 trên cơ sở kê khai, không có đo đạc và ký mốc giáp ranh đất với nhau; bà V xác định đất mặt tiền có chiều dài 38,5m, chiều

dài mặt hậu là 39m dựa trên lời trình bày của anh ruột bà là ông C tại biên bản lấy lời khai của Tòa án nhân dân thành phố CM vào ngày 31/10/1999 là sau khi các bên đã tranh chấp, đã đo đạc đất tranh chấp là không khách quan, không có căn cứ; Việc bà V cho rằng tổng diện tích đất bà bị thiếu 480,80m^2 so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đất của ông L, bà X thiếu 76,3m^2 là thiếu ít hơn nên lấn đất bà là là suy nghĩ chủ quan, thiếu căn cứ; bà V cho rằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bị đơn cấp không rõ ràng nhưng tại công văn số 1632/UBND-NC ngày 11/7/2018 của UBND thành phố CM vị trí đất được cấp theo quyết định135/QĐ.UB ngày 23/01/1998 và vị trí đất được cấp theo quyết định 1793/QĐ.UB ngày 19/11/1998 là khác nhau, nên nguyên đơn cho rằng được cấp không rõ ràng là không có cơ sở. Việc chị Tuyết Thị Thu H được ông L, bà X cất nhà giáp ranh đất bà V cho cho chị H ở từ năm 1999 nhưng bà V không có ngăn cản. Tại phiên tòa, bà V cho rằng chị H cất nhà năm 2007, bà có ngăn cản nhưng không có gì chứng minh, cho thấy chị H cất nhà ở giáp ranh đất bà V để ở ổn định trong thời gian dài, bà V không có ý kiến gì, nên không có căn cứ cho rằng chị H cất nhà lấn chiếm đất bà V.

[3] Xét lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ: Phần đất của ông L, bà X theo kết quả đo đạc vẫn còn thiếu so với diện tích được cấp là 76,3m^2 và phần đất giữa ông L, bà X giáp với bà V thì ông L có đào con mương trên phần đất của ông L giáp ranh đất bà V để trồng cây từ năm 1977, trước khi bà V đến mua đất, ông L sử dụng con mương ổn định đến năm 2016 không có tranh chấp, có xác nhận của những người sống lâu năm ở địa phương; tại phiên tòa bà V cũng thừa nhận con mương này do ông L đào và phần đất tranh chấp ngay vị trí con mương. Do đó, có cơ sở xác định ông L, bà X không có lấn chiếm đất của bà V.

[4] Từ các nhận định trên, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Thái Thị V về việc yêu cầu ông L, bà X trả lại cho bà phần đất lấn chiếm là 220,1m^2 và yêu cầu ông L, bà X, chị Thái Thị Thu H tháo dỡ, di dời căn nhà trả lại phần đất lấn chiếm có chiều ngang 1,6m, chiều dài 15,10m. Chấp nhận kháng cáo của các bị đơn ông Tuyết Văn L, bà Thái Minh X và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tuyết Thị Thu H về việc yêu cầu không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Bản án sơ thẩm số 197/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố CM tuyên chấp nhận một phần đơn khởi kiện của nguyên đơn Thái Thị V là chưa xem xét toàn diện tài liệu, chứng cứ của vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông L, bà X cho rằng đã cho chị H và chồng là anh Nguyễn Văn Đ phần đất chiều ngang 4m, chiều dài 40m từ năm 1999 và chị H, anh Đ đã cất nhà ở trên phần đất đã cho, hiện phần đất này nằm trên phần đất

tranh chấp có chiều ngang 1,39m chiều dài 15,10m có nhà của chị H, anh Đ. Bản án sơ thẩm không đưa anh Đ vào tham gia tố tụng là thiếu sót, tuy nhiên căn cứ vào chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày các đương sự thấy rằng có căn cứ chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông L, bà X, chị H, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà V nên không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị H, anh Đ, nên việc đưa bổ sung anh Đ vào tham gia tố tụng là không cần thiết.

[5] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố CM về việc không tính án phí đối với ông L, bà X do các đương sự này là người cao tuổi. Xét thấy, ông L, bà X là người cao tuổi nhưng trong quá trình xét xử sơ thẩm các đương sự không có hồ sơ yêu cầu miễn án phí. Tại phiên tòa phúc thẩm ông L, bà X có đơn yêu cầu được miễn án phí, xét thấy phù hợp nên được chấp nhận.

[6].Từ các cơ sở phân tích như đã nêu trên xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa về việc không chấp nhận kháng cáo của ông L, bà X và chị H là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên không có cơ sở chấp nhận.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm, trong vụ án này là tranh chấp quyền sử dụng đất thuộc về ai, Tòa án không xem xét giá trị nên các đương sự án phí như trường hợp không có giá ngạch theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Bản án sơ thẩm đã tính án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là chưa phù hợp nên có điều chỉnh cho phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp án phí, lệ phí Tòa án.

1. Sửa bản án sơ thẩm số 197/2018/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố CM.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bà Thái Thị V về việc yêu cầu ông Tuyết Văn L, bà Thái Minh X trả phần đất có diện tích 220,10m^2, buộc chị Tuyết Thị Thu H tháo dỡ, di dời toàn bộ căn nhà cất trên phần đất tranh chấp theo sơ đồ bản vẽ ngày 30/8/2016 của Trung tâm Kỹ thuật - Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường.

3. Chấp nhận kháng cáo của ông Tuyết Văn L, bà Thái Minh X và chị Tuyết Thị Thu H. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Thái Thị V về việc buộc ông Tuyết Văn L, bà Thái Minh X trả phần đất tranh chấp 220,10m^2 và buộc chị Tuyết Thị Thu H tháo dỡ, di dời toàn bộ căn nhà cất trên phần đất lấn chiếm có chiều ngang 1,6m chiều dài 15,10m.

4. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Thái Thị V về việc yêu cầu ông Tuyết Văn L và bà Thái Minh X phải bồi thường khoản tiền bơm đất là 25.200.000đ. Nếu sau này bà Thái Thị V khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Bà Thái Thị V không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

4. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tại cấp sơ thẩm buộc bà Thái Thị V phải chịu 12.900.000 đồng.

Về chi phí xem xét thẩm định tại cấp phúc thẩm 500.000 đồng, bà V phải chịu, bà V đã nộp đủ.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Thái Thị V phải chịu 300.000 đồng, ngày 10 tháng 6 năm 2016, bà V đã nộp tạm ứng án phí 1.592.000đ theo biên lai số 2962 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được đối trừ bà V được hoàn lại 1.292.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông L, bà X, chị H không phải nộp, ngày 11/12/2018 ông L, bà X đã dự nộp 300.000 đồng theo Biên lai số 0001766, chị H (Tuyết Thị Thu Quyên) nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0001767 được nhận lại. Bà V phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng, ngày 13/12/2019 bà V đã dự nộp 300.000 đồng theo Biên lai số 0001786 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CM được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố CM;
- Chi cục THADS thành phố CM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn A Đam